**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ**

**SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

«BC\_Title» báo cáo kế hoạch năm «BC\_NextYear»

Ngày lập báo cáo «BC\_NgayLap»

Mã số ID: «BC\_MaDN»

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | «BC\_NgayNhan» |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | «BC\_NgayXacNhan» |

Phân ngành: «BC\_PhanNganh»

Tên cơ sở: «BC\_TenCoSo»

Mã số thuế: «BC\_TaxCode»

Điạ chỉ: «BC\_DiaChi», Huyện: «BC\_Huyen», Tỉnh: «BC\_Tinh»

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: «BC\_ChiuTrachNhiem»

Điện thoại: «BC\_DienThoai» Fax: «BC\_Fax», Email: «BC\_Email»

Trực thuộc (tên công ty mẹ): «BC\_TenCtyMe»

Điạ chỉ: «BC\_DiaChiP», Huyện: «BC\_HuyenP», Tỉnh: «BC\_TinhP»

Điện thoại: «BC\_DienThoaiP», Fax: «BC\_FaxP», Email: «BC\_EmailP»

Chủ sở hữu: «BC\_Owner»

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

: Chưa áp dụng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở năm «BC\_Year\_1»**

| **Loại phương tiện** | **Số lượng (chiếc)** | **Loại**  **nhiên liệu/năng lượng** |
| --- | --- | --- |
| «TableStart:tbl1»«ProductName» | «MaxQuantity» | «FuelName»«TableEnd:tbl1» |

**1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm «BC\_Year\_11»:**

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm «BC\_Year\_111» về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (4)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí**  **(Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| «TableStart:tbl9»«TenGiaiPhap» | «FuelName» | «SysName» | «MucTieuGP» | Mức tiết kiệm NL: «MucTKThucTe»(«MeasurementName»)  Mức tiết kiệm NL: «TuongDuongTT»(%)(3)  Tiết kiệm chi phí: «MucTKCPThucTe»(Tr. đồng)  Lợi ích khác: «LoiIchKhacTT» | «CPThucTe» | «GhiChuTT»«TableEnd:tbl9» |

(3) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(4) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm** «BC\_NextYear1»

**2.1 Dự kiến chỉ tiêu**

**Công suất sản xuất theo kế hoạch của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| (chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v…) | | | |
| **Năng lực SX**  **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất**  **dự kiến** |
| «TableStart:tbl3»«ProductName» | «Measurement» | «DesignQuantity» | «MaxQuantity»«TableEnd:tbl3» |
|  |  |  |  |

**2.2 Dự kiến mức sử dụng năng lượng**

*2.2.1. Mức tiêu thụ nhiên liệu*

| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính(\*)** | **Lượng tiêu thụ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| «TableStart:tbl4»«stt» | «FuelName» | «MeasurementName» | «NoFuel» | «Reason»«TableEnd:tbl4» |

Ghi chú:

(\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

(2\*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

(3\*): Lựa chọn loại hơi có áp suất phù hợp;

(4\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và nhiệt trị của năng lượng.

*2.2.2. Tiêu thụ điện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I. Điện năng mua từ lưới: | Công suất đăng ký «CapacityResult» kW | Điện năng «QuantityResult» 106 kWh/năm |
| II. Điện tự sản xuất (nếu có): | Công suất lắp đặt: «InstalledCapacityResult» kW | Điện năng sản xuất: «ProduceQtyResult» 106kWh/năm |
| «TableStart:tbl12»«TenNhienLieu» | «CongSuatLapDat» | «DienNangSanXuat»«TableEnd:tbl12» |
| III. Điện bán ra (nếu có) | Công suất bán ra: «CongSuatBan» kW | Sản lượng điện bán ra: «SanLuongBan» 106kWh/năm |

**2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm «BC\_NextYear3»:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả** *(Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí**  **(Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| «TableStart:tbl5»«TenGiaiPhap» | «FuelName» | «SysName» | «MucTieuGP» | Mức tiết kiệm NL: «MucTietKiemDuKien»(«MeasurementName»)  Mức tiết kiệm NL: «TuongDuong»(%)1  Tiết kiệm chi phí: «ThanhTien»(Tr. đồng)  Lợi ích khác: «LoiIchKhac» | «ChiPhiDuKien» | «GhiChu»«TableEnd:tbl5» |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty «BC\_TenCoSo1» về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm « BC\_Year\_1111» của «BC\_TenCoSo2», tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

*Ngày báo cáo «BC\_NgayBC»*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập kế hoạch**  «BC\_NguoiBC» |  | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |